UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK TÔ **TRUNG TÂM Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184 /TTYT-TCHC-TCKT	*Đăk Tô, ngày 06 tháng 02 năm 2025*
V/v thẩm định giá gói thầu mua thuốc	

Kính gửi: Các Doanh nghiệp thẩm định giá.

Căn cứ Văn bản số 129/UBND-VX ngày 05/2/2025 của Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Tô về việc thống nhất chủ trương mua thuốc Gerneric và thuốc có nguồn gốc từ dược liệu đợt 3; căn cứ vào nhu cầu về việc thẩm định giá hàng hóa làm cơ sở tham khảo để mua sắm theo quy định. Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô đề nghị các Doanh nghiệp thẩm định giá tham gia thẩm định hàng hóa và cung cấp báo giá dịch vụ, cụ thể như sau:

1. Tổ chức yêu cầu thẩm định giá: Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô.

2. Nội dung thẩm định giá: Có danh mục kèm theo.

3. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo giá thị trường mục đích phục vụ mua sắm.

4. Cách thức, thời gian thẩm định:

- Tổ chức thẩm định và cấp chứng thư thẩm định giá.

- Thời điểm thẩm định giá: Tháng 02/2025.

5. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô, địa chỉ: Khối 9 thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, điện thoại: 0260 3831 217; Fax: 0260 3831 217 (hoặc liên hệ số điện thoại 0905928774).

Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô khẳng định các thông tin cung cấp trên là chính xác và thực hiện thanh toán phí dịch vụ thẩm định giá theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lãnh đạo TTYT; - Trang thông tin điện tử TTYT; - Lưu: VT, TCHC-TCKT.	**GIÁM ĐỐC** **Trần Văn Bình**

Phụ lục 1

DANH MỤC CHẾ PHẨM ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

STT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số Lượng
1	Nhóm 3	Cao đặc rễ Đinh lăng, cao khô lá Bạch quả	Uống	viên nang nềm	viên	50.000
2	Nhóm 3	Cao đặc Actiso; Cao đặc rau đắng đất; Bột bìm bìm biếc	Uống	Viên nang mềm	viên	10.000
3	Nhóm 3	Bạch truật; Mộc hương; Hoàng liên; Cam thảo; Bạch linh (Phục linh); Mạch nha; Sơn tra; Hoài sơn; Nhục đậu khấu; Đảng sâm; Thần khúc; Trần bì; Sa nhân;	Uống	Viên hoàn cứng	Viên	12.000
4	Nhóm 3	Lá sen; Lá vông; Lạc tiên; Tâm sen; Bình vôi	Uống	Viên bao đường	Viên	2.000
5	Nhóm 3	Mỗi 50ml chứa: Địa liền 2,5g; Riềng 2,5g; Thiên niên kiện 1,5g; Huyết giác 1,5g; Đại hồi 1g; Quế chi 1g; Ô đầu 0,5g; Camphor 0,5g	Dùng ngoài	Cồn thuốc dùng ngoài	Chai	500
6	Nhóm 2	Húng chanh; Núc nác; Cineol	Uống	Siro	Chai	3.000
7	Nhóm 3	Tang ký sinh, Độc hoạt, Phòng phong, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bổ cốt chỉ	Uống	Cao lỏng	Chai	40.000

Phụ lục 2

DANH MỤC THUỐC TÂN DƯỢC ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

STT	Nhóm thuốc	Tên hoạt chất	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số Lượng
Nhóm 2 gồm 10 danh mục						
1	Nhóm 2	Acid Ascorbic	Uống	Viên nang cứng	Viên	10.000
2	Nhóm 2	Metronidazol	Uống	viên nén	Viên	10.000
3	Nhóm 2	Diosmin + Hesperidin	Uống	Viên nén bao phim	Viên	4.800
4	Nhóm 2	Acetaminophen	Uống	Viên nén	Viên	80.000
5	Nhóm 2	Darinol 300	Uống	Viên nén	Viên	3.000
6	Nhóm 2	Phenobarbital	Uống	Viên nén	Viên	10.000
7	Nhóm 2	Valproat Natri	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Viên	6.000
8	Nhóm 2	Metformin hydroclorid	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30.000
9	Nhóm 2	Haloperidol	Uống	Viên nén	Viên	1.200
Nhóm 3 gồm 09 danh mục						
1	Nhóm 3	Amoxicillin	Uống	Viên nang cứng	Viên	20.000
2	Nhóm 3	Paracetamol	Uống	Thuốc bột sủi bọt	Gói	12.000
3	Nhóm 3	Paracetamol	Uống	Thuốc bột sủi bọt	Gói	10.000
4	Nhóm 3	Mỗi gói 1g chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250 mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 31,25 mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Gói	20.000
5	Nhóm 3	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	Uống	Viên nén bao phim	Viên	5.000
6	Nhóm 3	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	Uống	Viên nén	Viên	50.000
7	Nhóm 4	Drotaverin hydroclorid	Uống	Viên nén	Viên	20.000
8	Nhóm 2	Trimetazidin	Uống	Viên nén bao phim	Viên	30.000
9	Nhóm 3	Risperidon	Uống	Viên nén bao phim	Viên	900
Nhóm 4 gồm 30 danh mục						
1	Nhóm 4	Tenofovir disoproxil fumarat	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000
2	Nhóm 4	Celecoxib 200mg	Uống	Viên nang cứng	viên	5.000
4	Nhóm 4	Cinnarizin	Uống	Viên nén	Viên	10.000
5	Nhóm 4	N - acetyl - dl - leucin	Uống	Viên nén	Viên	10.000
6	Nhóm 4	Nước cất pha tiêm	Tiêm	Dung dịch pha tiêm	Ống	3.000
7	Nhóm 4	Nước cất pha tiêm	Tiêm	Dung dịch pha tiêm	Ống	3.000
8	Nhóm 4	Prednisolone	Uống	Viên nén dài	Viên	20.000
9	Nhóm 4	Spironolactone	Uống	Viên nén	Viên	2.000
10	Nhóm 4	Alphachymotrypsin	Uống	Viên nén	Viên	5.000
11	Nhóm 4	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000
12	Nhóm 4	Chlorpheniramin maleat	Uống	Viên nén	Viên	20.000
13	Nhóm 4	Metoclopramid hydroclorid 10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	140
14	Nhóm 4	Omeprazol	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000
15	Nhóm 4	Mỗi 5 g chứa: Aciclovir 250mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	Tuýp	100
16	Nhóm 4	Enalapril maleat	Uống	Viên nén	Viên	60.000
17	Nhóm 4	Losartan kali; Hydroclorothiazid	Uống	Viên nén bao phim	Viên	20.000
18	Nhóm 4	Natri clorid + Natri lactat + Kali clorid + Calci clorid	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	500

		dihydrat				
19	Nhóm 4	Losartan potassium	Uống	Viên nén bao phim	Viên	60.000
20	Nhóm 4	Natri Clorid	Nhỏ mắt, mũi	Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi	Lọ	400
21	Nhóm 4	Mỗi 100 ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 10g	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	50
22	Nhóm 4	Natri clorid 0,9g/100ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	chai	600
23	Nhóm 4	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) 100mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 100mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 150mcg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	10.000
24	Nhóm 4	Candesartan cilexetil 8mg; Hydroclorothiazid 12,5mg	Uống	Viên nén phân tán	Viên	50.000
25	Nhóm 4	Sắt fumarat ; Acid folic	Uống	Viên nang	Viên	5.000
26	Nhóm 4	Drotaverin HCl	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	200
27	Nhóm 4	Mỗi ống 5ml chứa: Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat) 1,5g	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	50
28	Nhóm 4	Furosemid	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	50
29	Nhóm 4	Furosemid	Uống	Viên nén	Viên	1.000
30	Nhóm 4	Bacillus clausii	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Gói	10.000